TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/KDTM-ST
Ngày: 10-10-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;
2. Ông Tống Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 40/2025/TLST-KDTM, ngày 28 tháng 7 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-KDTM, ngày 24 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH H Việt Nam, trụ sở: Thửa đất 198, tờ bản đồ 51, khu phố 8, phường T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ch – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Th, sinh năm 1995, địa chỉ: Số 636, Quốc lộ 1K, khu phố N, phường Đ, Thành phố H.

Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2025. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH G, trụ sở: Số 03/ĐX6-TH, tổ 5, khu phố T, phường T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nh – Giám đốc

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn kiện ngày 09/7/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2023, Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G) có xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá là Ván MDF các loại. Hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thoả thuận bằng lời nói.

Theo thoả thuận thì phương thức mua bán và thanh toán là dựa trên các đơn đặt hàng của Công ty B, sau đó Công ty H giao hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng để Công ty B thanh toán:

Thực hiện thỏa thuận, Công ty H đã giao hàng theo yêu cầu Công ty Btheo các đơn đặt hàng và xuất 03 hoá đơn giá trị gia tăng, cụ thể:

Hoá đơn số 00000448, ngày 05/5/2023, số tiền 490.689.727 đồng;

Hoá đơn số 00000534, ngày 27/5/2023, số tiền 569.293.747 đồng;

Hoá đơn số 00000709, ngày 30/6/2023, số tiền 407.040.597 đồng.

Tổng số tiền là 1.467.024.071 đồng.

Tuy nhiên, tại thời điểm xuất hoá đơn Công ty Bcó tên gọi là Công ty TNHH MTV L nên các hoá đơn ghi bên mua là Công ty TNHH MTV L. Đến ngày 12/11/2024, Công ty TNHH MTV L thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (Nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đăng ký thay đổi lần thứ 10 với tên gọi mới là Công ty TNHH G.

Công ty H nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ là 1.467.024.071 đồng, nhưng Công ty B không thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty H.

Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty B thanh toán số tiền còn nợ là 1.467.024.071 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10/10/2025 là 27 tháng 10 ngày (làm tròn 27 tháng), số tiền 330.080.416 đồng và yêu cầu trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án số 40/2025/LTST-KDTM; Nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty H; Thông báo phiên họp về việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Kết quả phiên họp công khai chứng cứ và triệu tập 02 lần đến tham dự phiên toà nhưng Công ty B cố tình vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng;

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền nợ mua bán hàng hoá là 1.467.024.071 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty B có trụ sở tại số 03/ĐX6-TH, tổ 5, khu phố Tân Hóa, phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân khu vực. Tòa án xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về chứng cứ giải quyết vụ án:

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập đã được Thẩm phán công khai tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/9/2025. Bị đơn Công ty B không cung cấp tài liệu chứng cứ và cố tình vắng mặt nên Tòa án đã tống đạt Thông báo kết quả công khai chứng cứ cho Công ty B nhưng Công ty B không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc, đồng thời các đương sự cũng không yêu cầu Toà án triệu tập thêm người tham gia tố tụng và thu thập thêm chứng cứ. Do đó, Tòa án sử dụng các chứng cứ đã công khai tại phiên họp ngày 03/9/2025 làm căn cứ giải quyết vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn Công ty B được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và 02 lần triệu tập tham gia phiên toà nhưng cố tình vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về xác định bị đơn trong vụ án.

Nhận thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty B phải thanh toán số 1.467.024.071 đồng của 03 hoá đơn giá trị gia tăng nhưng ghi tên bên mua Công ty TNHH MTV L.

Xét thấy, theo báo cáo tổng hợp về lịch sử đăng ký doanh nghiệp được trích xuất từ cơ sở dữ liệu quốc gia thì Công ty TNHH Gỗ Btrước đây là Công ty TNHH MTV L được thành lập vào năm 2021, đến ngày 18/5/2024, doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (Nay là

Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh), cấp giấy chứng nhận thay đổi tên doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV Lthành Công ty TNHH G. Do đó, đơn khởi kiện nguyên đơn xác định bị đơn là Công ty TNHH G và buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ của Công ty TNHH MTV L là đúng quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 36 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, ngày 15/4/2010 của chính phủ hướng dẫn quy định về việc thay đổi tên của doanh nghiệp nhưng không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đó.

[2.2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, giữa Công ty H và Công ty B có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa là Ván MDF các loại nhưng không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thoả thuận bằng lời nói. Nội dung hợp đồng không trái quy định pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên theo quy định tại các Điều 117; 118 và 119 Bộ luật dân sự và Điều 24 Luật Thương mại.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B nhiều lần mua hàng bằng các phiếu đặt hàng và Công ty H đã giao hàng theo đúng yêu cầu của Công ty G, cụ thể:

Ngày 8/6/2023 Công ty G đặt hàng với mã đơn 010-MDFHY-2023 và Công ty Hsing Yuan giao hàng thành 02 đợt, gồm: 01 phiếu giao nhận ngày 08/6/2023, có ký hiệu SP TOUT: 20230608019 và 07 phiếu giao giao nhận ngày 9/6/2023 có ký hiệu SP TOUT: 20230609003; 20230609004; 20230609015; 20230609019; 20230609021; 20230609022; và 20230609023;

Ngày 31/3/2023 Công ty B đặt hàng có mã đơn 003-MDFHY-2023. Cùng ngày, Công ty H giao hàng với 05 phiếu giao nhận, có kí hiệu SP TOUT: 20230331027; 20230331028; 20230331029; 20230331030; 20230331032.

Ngày 11/4/2023; Công ty BHtiếp tục đặt hàng với mã đơn 004-MDFHY-2023. Ngày 12/4/2023, Công ty H giao hàng với 04 phiếu giao nhận, có kí hiệu SP TOUT 20230412017; 20230412018; 20230412019; 20230412022.

Ngày 19/4/2023 Công ty B tiếp tục đặt hàng với mã đơn 005-MDFhY-2023. Cùng ngày, Công ty H đã giao hàng với 01 phiếu giao nhận hàng có ký hiệu SP TOUT: 20230420008;

Ngày 19/5/2023; Công ty B đặt hàng có mã đơn 007-MDFHY-2023. Cùng ngày, Công ty H giao hàng với 04 phiếu giao nhận, có ký hiệu SP TOUT: 20230519022; 20230519024; 20230519025; 20230519026 và ngày 20/5/2023 giao hàng với 03 phiếu giao nhận, có kí hiệu SP TOUT 20230520002; 20230520006; 20230520009.

Ngày 22/5/2023 Công ty B đặt hàng với mã đơn 008-MDFHY-2023, cùng ngày Công ty H giao hàng theo 02 phiếu giao nhận, có kí hiệu SP TOUT; 20230522011; 20230522012; ngày 23/5/2025 giao hàng 01 phiếu, kí hiệu 20230523006;

Công ty H đã xuất 03 hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty Bách Thành, cụ thể,

Hoá đơn số 00000448, ngày 05/5/2023, số tiền 490.689.727 đồng;

Hoá đơn số 00000534, ngày 27/5/2023, số tiền 569.293.747 đồng;

Hoá đơn số 00000709, ngày 30/6/2023, số tiền 407.040.597 đồng.

Tổng số tiền 1.467.024.071 đồng.

Nhưng phía Công ty G chưa thanh toán số tiền nói trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 55 Luật Thương mại nên cần buộc Công ty G phải thanh toán số tiền còn nợ là 1.467.024.071 đồng cho Công ty H.

[3.3] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc.

Xét thấy, đây là vụ án kinh doanh thương mại, các bên thực hiện hợp đồng mua bán không thoả thuận phải trả lãi suất nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, theo quy định Điều 306 của Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì khi thực hiện hợp đồng múa bán hàng quá trong kinh doanh thương mại, nếu bên nào chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 (ba) Ngân hàng thương mại. Như vậy, công ty Hsing Yuan yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

Tại Công văn số 217/CV-NHNo.TU-PKG, ngày 04/7/2025 của Ngân hàng NNPTNN Chi nhánh thành phố Tân Uyên mức lãi suất quá hạn là 150% trên mức lãi từ 7%-8,5%; Văn bản ngày 18/7/2025 của Ngân hàng TMCP phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bình Dương mức lãi suất quá hạn là 11,76% và Văn bản số 58/2025/PGDTU, ngày 11/7/2025 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là 10,9% - 11,1%. Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng này là trên 10%/năm, nhưng phía nguyên đơn chỉ yêu cầu 10%/năm và thời gian làm tròn 27 tháng trên số gốc 1.467.024.071 đồng là có lợi cho phía bị đơn nên cần buộc Công ty Bthanh toán cho Công ty Hsing Yuan số tiền lãi là 1.467.024.071 x 10%/năm x 27 tháng, thành tiền là 330.080.416 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Từ những phân tích trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa đúng quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn, Công ty TNHH H Việt Nam không phải chịu án phí;

Bị đơn, Công ty TNHH G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện thẩm quyền đối với Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 117; 118 và 119 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH G phải thanh toán cho Công ty TNHH H, tổng số tiền là 1.797.104.487 đồng *(Một tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng)*, bao gồm:

Nợ gốc là 1.467.024.071 đồng (*Một tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi mốt đồng).*

Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 330.080.416 đồng *(Ba trăm ba mươi triệu, không trăm tám mươi nghìn, bốn trăm mười sáu đồng).*

Ngoài ra Công ty TNHH G còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm, trên số nợ gốc, tính từ ngày 11/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Công ty TNHH H.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH G phải chịu 65.913.135 đồng *(Sáu mươi lăm triệu, chín trăm mười ba nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng)*.

Hoàn trả cho Công ty TNHH H số tiền 33.507.000 đồng *(Ba mươi ba triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004712 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17 - TP. HCM
- CCTHADS KV 17 - TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sô